TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST
Ngày 18 tháng 03 năm 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tôn Thiết

2. Bà Khổng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Lan A, sinh năm 1992

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Chỗ ở hiện nay: Khu 1 thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2018 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Lan A trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N ngày 25/12/2014 trước khi cưới có tìm hiểu, cưới có đăng ký tại UBND xã L sau khi cưới chị về ở chung với gia đình anh N được khoảng 20 ngày sau đó vợ chồng thuê đất mở quán bán hàng tại khu B, xã L, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau hay nói nhau, anh N còn đánh chị ngoài ra vợ chồng không có con chung nên tình cảm

nhạt dần. Tháng 4/2016 chị đã làm đơn xin ly hôn anh N sau đó chị lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng vợ chồng chỉ sống hòa thuận được một thời gian ngắn lại sẩy ra mâu thuẫn. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2018, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh N.

Tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 01 năm 2019 anh N trình bày: Anh thừa nhận chị Lê Thị Lan A trình bày đúng về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân. Theo anh về mâu thuẫn vợ chồng thì không có gì căng thẳng, vợ chồng không đánh cãi chửi nhau mà chỉ nói nhau vài lần sau đó chị A tự ý bỏ đi đâu anh không rõ. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không không cải thiện được chị Anh xin ly hôn anh cũng đồng ý, do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt (anh N có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Về con chung: Chị Lê Thị Lan A và anh Nguyễn Văn N đều thừa nhận không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị Lê Thị Lan A và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Lan A ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Lê Thị Lan A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Văn N theo quy định tại Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh N đã có lời khai và có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 chị Lê Thị Lan A kết hôn với anh Nguyễn Văn N trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết

hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hay nói nhau, ngoài ra vợ chồng không có con nên tình cảm lạnh nhạt dần. Tháng 4/2016 chị Anh đã làm đơn xin ly hôn anh N sau đó lại rút đơn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được nên đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị Anh được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về con chung: Chị Lê Thị Lan A và anh Nguyễn Văn N không có con chung.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Lê Thị Lan A và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Lan A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Lê Thị Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị Lê Thị Lan A và anh Nguyễn Văn N không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Lê Thị Lan A và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001931 ngày 14/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị Anh đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình